

Số: /BC-SKHCHN

Đồng Nai, ngày tháng 6 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính**  
**6 tháng đầu năm 2022**

Thực hiện Kế hoạch số 16341/KH-UBND ngày 28/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2022;

Thực hiện Hướng dẫn số 1834/SNV-TT ngày 23/5/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn báo cáo định kỳ kết quả cải cách hành chính.

Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Công tác cải cách hành chính (CCHC), kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) 6 tháng đầu năm 2022 với các nội dung sau:

**PHẦN 1 - NỘI DUNG BÁO CÁO**

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**

**1. Chỉ đạo, điều hành CCHC, kiểm soát TTHC**

- Tiếp tục quán triệt và tổ chức đẩy mạnh thực hiện các văn bản chỉ đạo chủ yếu của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ CCHC;

- Tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh về tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm người đứng đầu đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh về tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức (CCVC) trong các cơ quan nhà nước;

- Chỉ đạo thực hiện xây dựng và ban hành các kế hoạch cụ thể như:

+ Kế hoạch CCHC năm 2022 (Kế hoạch số 197/KH-SKHCHN ngày 27/01/2022);

+ Kế hoạch kiểm tra CCHC, kiểm soát TTHC năm 2022 (Kế hoạch số 172/KH-SKHCHN ngày 24/01/2022);

+ Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2022 (Kế hoạch số 198/KH-SKHCHN ngày 27/01/2022);

+ Kế hoạch Rà soát, đơn giản hóa quy định, TTHC năm 2022 (Kế hoạch số 184/KH-SKHCHN ngày 26/01/2022)

+ Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2022 (Kế hoạch số 49/KH-SKHCHN ngày 10/01/2022);

+ Kế hoạch Kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2022 (Kế hoạch số 142/KH-SKHCN ngày 19/01/2022);

+ Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức tại Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2021-2025 (Kế hoạch số 1645/KH-SKHCN ngày 07/9/2021).

- Niêm yết công khai đầy đủ, rõ ràng việc tiếp nhận, xử lý, trả lời các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, TTHC.

- Chỉ đạo kiểm tra về thực hiện CCHC của các phòng, đơn vị đạt 100% các phòng, đơn vị trực tiếp thực hiện và quản lý theo dõi TTHC theo từng lĩnh vực.

- Đánh giá tổng thể mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC của Sở Khoa học và Công nghệ (hoàn thành 5/7 nhiệm vụ, vượt chỉ tiêu 0/7 nhiệm vụ, chưa hoàn thành 2/7 nhiệm vụ)

## **2. Về thanh tra, kiểm tra CCHC, kiểm soát TTHC**

- Công tác kiểm tra CCHC, kiểm soát TTHC được chú trọng thực hiện, tiếp tục thực hiện các nội dung kiểm tra bám sát và tập trung vào kiểm tra chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, trách nhiệm người đứng đầu bộ phận, chức trách công vụ của công chức, giải quyết TTHC.

- Thực hiện các nội dung kiểm tra theo kế hoạch về kiểm tra CCHC và kiểm soát TTHC của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2022; kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm trong thi hành nhiệm vụ, công vụ tại Sở Khoa học và Công nghệ.

- Ban chỉ đạo CCHC đã thực hiện kiểm tra các phòng, đơn vị đạt tỷ lệ 100% theo kế hoạch; các đơn vị được kiểm tra thực hiện tốt kế hoạch CCHC, kiểm soát TTHC.

- Việc khắc phục các kiến nghị sau kiểm tra của tỉnh hoặc các Sở chuyên ngành (nếu có): không

- Thông tin cụ thể về việc triển khai kiểm tra CCHC, kiểm soát TTHC, đơn vị thực hiện theo bảng sau:

<b>Tên đơn vị, bộ phận trực thuộc được thanh tra, kiểm tra</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Nội dung thanh tra, kiểm tra</b>	<b>Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra</b>
Trung tâm Khoa học và Công nghệ	07/3/2022	Theo kế hoạch 172/KH-SKHCN ngày 24/01/2022	Không

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	04/4/2022	Theo kế hoạch 172/KH-SKHCN ngày 24/01/2022	Không
Văn phòng Sở	30/5/2022	Theo kế hoạch 172/KH-SKHCN ngày 24/01/2022	Không

### 3. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC

Kết quả quán triệt, triển khai kế hoạch tuyên truyền CCHC, kiểm soát TTHC năm của tỉnh tại đơn vị:

- Thực hiện tuyên truyền 06 tin bài về CCHC, đăng lên Cổng thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ, đồng thời gửi 02 bài báo cộng tác với Sở Tư pháp về hoạt động cải cách hành chính; các Kế hoạch CCHC được công khai, cập nhật kịp thời trên website caicachhanhchinh.dongnai.gov.vn. Qua công tác tuyên truyền đã đáp ứng kịp thời việc nắm bắt, tìm hiểu thông tin của CCVC và mọi tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp về công tác CCHC, nhất là TTHC;

- Tiếp tục phát hành tờ rơi tuyên truyền về cải cách TTHC (hướng dẫn cách nộp hồ sơ trực tuyến cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân).

- Tiếp tục triển khai hoạt động của 148 điểm thông tin KH&CN tại các Trung tâm học tập cộng đồng các xã, phường, thị trấn (tại mỗi điểm được đầu tư 01 Thư viện điện tử công nghệ nông thôn và 01 website cho xã); Theo dõi, quản lý hoạt động các website xã, phường, thị trấn; Nâng cao hiệu quả hoạt động điểm thông tin KHCN bằng cách đổi mới cơ chế quản lý, góp phần nhân rộng nhanh các điểm thông tin KHCN trên địa bàn tỉnh; Qua công tác tuyên truyền đã đáp ứng kịp thời việc nắm bắt, tìm hiểu thông tin của CCVC và mọi tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp về công tác CCHC, nhất là TTHC.

- Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp nhân Ngày Sở hữu trí tuệ 26/4, Sở KH&CN, Tỉnh đoàn Đồng Nai phối hợp tổ chức Chương trình đối thoại giữa Lãnh đạo Ủy ban Nhân dân tỉnh với thanh niên trên địa bàn tỉnh năm 2022 với chủ đề “Văn hóa sở hữu trí tuệ - Nét đẹp của thế hệ trẻ hôm nay”.

- Nội dung tuyên truyền đăng tại trang thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ <https://dost-dongnai.gov.vn/Pages/noi-dung-tin.aspx?NewsID=3193&TopicID=9&CoLookup=1> và Website 148 Điểm thông tin KHCN.

#### **4. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại đơn vị, địa phương (Văn phòng bổ sung)**

- Thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2022, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch số 458/KH-SKHHCN ngày 09/03/2022 về việc Phát động sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC, công vụ tại Sở Khoa học và Công nghệ năm 2022.

- Tiếp tục ứng dụng giải pháp hội nghị trực tuyến trên Hệ thống họp trực tuyến (TKC Meet) dựa trên nền tảng mã nguồn mở. Đây là tập hợp các giải pháp hoàn chỉnh phục vụ hội họp, đáp ứng hầu hết các nhu cầu của các cuộc họp như: Giao tiếp bằng video, voice, chatting, trình chiếu slide, màn hình, share web, share video, hình ảnh...

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC**

### **1. Cải cách thể chế**

#### **a) Tham mưu Ban hành, rà soát và tổ chức thực hiện văn bản pháp luật**

- Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành kế hoạch xây dựng, kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2022 (Kế hoạch số 142/KH-SKHHCN ngày 19/01/2022).

- Tham mưu dự thảo Nghị quyết trình HĐND trong năm 2022:

+ Nghị quyết quy định về nội dung chi, mức chi thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

+ Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh.

+ Nghị quyết quy định về nội dung và mức chi cho chương trình, giải thưởng; các hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Nghị quyết về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các quyết định:

+ Quyết định ban hành Quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa áp dụng đối với tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Quyết định ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai.

- Chỉ đạo, đôn đốc các phòng, đơn vị liên quan lập đề nghị xây dựng VBQPPL năm 2022 theo trình tự và tiến độ quy định ( Tham mưu UBND tỉnh dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi cho chương trình, giải thưởng; các hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030).

Đánh giá công tác tham mưu ban hành văn bản QPPL: Kịp thời, phù hợp với VBQPPL của cấp trên.

### **b) Công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL**

- Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 142/KH-SKHCN ngày 19/01/2022 về việc xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát VBQPPL năm 2022.

- Thực hiện rà soát việc đồng bộ, công khai TTHC, hồ sơ mẫu theo chỉ đạo của UBND tỉnh theo công văn số 1981/UBND-HCC ngày 25/02/2022.

Đánh giá công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL: đầy đủ, kịp thời, phù hợp quy định.

### **c) Công tác tổ chức theo dõi thi hành pháp luật**

Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng và ban hành:

- Kế hoạch số 258/KH-SKHCN ngày 14/02/2022 về quản lý công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2022.

- Kế hoạch số 259/KH-SKHCN ngày 14/02/2022 về hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022.

## **2. Cải cách TTHC**

### **2.1. Công tác công khai TTHC và đơn giản hóa TTHC**

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 về việc công bố TTHC và quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai

- Tình hình thực hiện liên thông TTHC: Sở không thuộc diện phải giải quyết bằng một cửa liên thông.

- Kết quả công khai, niêm yết TTHC, cung cấp hồ sơ mẫu: thực hiện theo quy định.

- Thực hiện rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành khoa học và công nghệ: Tổ chức thực hiện Kế hoạch số 184/KH-SKHCN ngày 26/01/2022 về rà soát, đơn giản hóa quy định, TTHC năm 2022

## **2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

### **2.2.1. Tổ chức hoạt động bộ phận một cửa**

- Thực hiện Công văn số 5740/UBND-HCC ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc kiện toàn hoạt động Trung tâm Hành chính công (không tiếp tục ký Hợp đồng với Bưu điện để thực hiện tiếp nhận và trả kết quả thay cho 05 Sở trong đó có Sở Khoa học và Công nghệ). Sở đã có công văn số 954/SKH-CN-TTra ngày 03/6/2021 tuyên truyền, khuyến nghị người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích khi thực hiện TTHC trong tình hình Covid-19 gửi các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, Biên Hòa và tổ chức, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh. Theo đó, việc tiếp nhận hồ sơ sẽ được Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện theo 02 cách thức:

(1) Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn>).

(2) Nộp qua đường bưu điện đến Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 1597 đường Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Góp ý Kế hoạch thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh năm 2022 (Công văn số 923/SKH-CN-TTra ngày 26/4/2022)

Việc trả kết quả TTHC sẽ được Sở Khoa học và Công nghệ gửi qua hộp thư điện tử (Email) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích cho người dân, doanh nghiệp.

Sở Khoa học và Công nghệ không thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả TTHC trực tiếp của người dân, doanh nghiệp tại trụ sở cơ quan, địa chỉ số 1597 đường Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

### **2.2.2. Công tác giải quyết TTHC**

- Số lượng hồ sơ tồn đầu kỳ là 13 hồ sơ
- Số lượng tiếp nhận trong kỳ 143 hồ sơ;
- Số lượng hồ sơ đang giải quyết là 7 hồ sơ;
- Số lượng hồ sơ hoàn thành là 149 hồ sơ (trong đó có 02 hồ sơ trễ hạn), tỷ lệ đúng hạn đạt 98,6 %, tỷ lệ trễ hạn 1,4%;

Việc thực hiện việc tiếp nhận, luân chuyển xử lý hồ sơ điều thực hiện theo quy định của pháp luật và quy trình do UBND tỉnh ban hành. Việc xử lý trễ 02 hồ sơ lĩnh vực An toàn bức xạ.

### **2.2.3. Kết quả triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông**

- Thực hiện rà soát, đề xuất Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và tham mưu công bố sửa đổi, bổ sung Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành khoa học và công nghệ.

- Rà soát các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở và thống kê TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở có yêu cầu nghĩa vụ tài chính; TTHC có yêu cầu thành phần hồ sơ là Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú; Dịch vụ công đủ điều kiện, không đủ điều kiện đưa lên trực tuyến mức độ 4. Tham mưu ban hành chính sách giảm phí, lệ phí đối với các thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh; Góp ý dự thảo Kế hoạch thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh năm 2022 và dự thảo Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính; rà soát, thực hiện các nhiệm vụ nhằm đẩy mạnh cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Báo cáo số liệu làm cơ sở đánh giá kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Nghị quyết 01/NQ-CP.

- Tiếp tục triển khai và khai thác trang một cửa điện tử quốc gia đối với hoạt động xác nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với các nhóm hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ. Tính đến thời điểm báo cáo, đã đạt 100% hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 4 đối với thủ tục công khai giải quyết trên cổng một cửa quốc gia Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên phần mềm Egov: Quay của Sở Bưu điện trực thay cho nhiều đơn vị nên không cấu hình đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên phần mềm Egov được. Do đó, Sở không có số liệu đánh giá nội dung này.

- Thực hiện nhận, trả hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích:

+ Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ: 04 Hồ sơ

+ Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 03 hồ sơ.

### **2.3. Công tác giải quyết phản ánh kiến nghị về giải quyết TTHC**

- Trong kỳ báo cáo, Tổng đài Dịch vụ công 1022 không tiếp nhận phản ánh, kiến nghị nào của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC của Sở.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

a) Rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế:

- Thực hiện Quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai về phân bổ biên chế công chức và hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022.

- Thực hiện Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định về tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc

UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng Dự thảo Quyết định Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai để thực hiện quy trình trình ban hành Quyết định. Tuy nhiên, hiện tại Bộ Khoa học và Công nghệ đang phối hợp Bộ Nội vụ để hoàn thiện hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị định quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ. Vì vậy Sở Khoa học và Công nghệ sẽ thực hiện sắp xếp cơ cấu tổ chức của Sở theo quy định, hướng dẫn của Bộ và của Tỉnh để tiếp tục trình ban hành Quyết định Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Công tác quản lý, sử dụng biên chế tại Sở Khoa học và Công nghệ được thực hiện đúng theo quy định, theo chỉ tiêu biên chế được giao. Việc sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bộ máy, biên chế đã góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong đội ngũ CCVC, người lao động cả về trách nhiệm, ý thức trong thực thi công vụ, bố trí phù hợp với chức năng nhiệm vụ, vị trí việc làm, bảo đảm theo biên chế được giao.

Tổng số biên chế được giao tính tới thời điểm hiện tại là 47 biên chế.

- Về cơ cấu: Sở có 01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc Sở

- Về tổ chức: giúp việc cho Lãnh đạo Sở có 04 phòng chuyên môn, 01 Chi cục và 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc (trong đó 01 đơn vị sự nghiệp là Trung tâm Phát triển Phần mềm đang sẽ hợp nhất về Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh, hiện đang thực hiện giải thể công ty trực thuộc để hoàn tất hồ sơ hợp nhất.)

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ, các Bộ về tổ chức bộ máy, cụ thể:

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022
1. Số phòng, chi cục thuộc sở	5	5
2. Số đơn vị sự nghiệp thuộc sở	2	2

Thực hiện Quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai quyết định phân bổ biên chế, số người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022.

Xây dựng báo cáo Tổng kết đề án tăng cường năng lực công chức thực hiện CCHC giai đoạn 2016-2020 theo Văn bản số 1261/SNV-TT ngày 15/4/2022 của Sở Nội vụ (Báo cáo số 57/BC-SKHCCN ngày 20/4/2022)

b) Về thực hiện phân cấp quản lý



Căn cứ Kế hoạch số 482/KH-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực. Trên cơ sở Thông tư số 01/2021/TT-BKHCN ngày 01/3/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh. Sở Khoa học và Công nghệ đang phối hợp với Sở Nội vụ để dự thảo tham mưu trình UBND tỉnh ban hành phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

#### **4. Cải cách chế độ công vụ**

##### **a) Thực hiện các quy định về quản lý CCVC**

- Tham mưu ban hành đề án vị trí việc làm công chức, viên chức: Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng Đề án vị trí việc làm và được UBND phê duyệt tại Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 về phê duyệt Bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của Sở Khoa học và Công nghệ. Bên cạnh đó, ngày 12/3/2020, Sở đã ban hành văn bản số 379/SKHHCN-TKC về việc hướng dẫn xây dựng hệ thống vị trí việc làm viên chức ngành Khoa học và Công nghệ tại các đơn vị cấp huyện, thành phố;

- Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Trung tâm Khoa học và Công nghệ đã xây dựng Kế hoạch số 60/KH –TKC ngày 01/3/2022 của Trung tâm Khoa học và Công nghệ về việc tuyển dụng viên chức Trung tâm Khoa học và Công nghệ năm 2022 để bổ sung vị trí việc làm tại các bộ phận chuyên môn với số lượng cần tuyển dụng 4 vị trí.

- Kết quả thực hiện các quy định, số lượng tuyển dụng viên chức (*thi tuyển, xét tuyển*): 01 trường hợp xét tuyển

- Kết quả thực hiện các quy định, số lượng bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: Không

- Đánh giá chất lượng chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của Sở Khoa học và Công nghệ hiện nay với số lượng, tỷ lệ đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngạch, chức danh, vị trí việc làm.

b) Tình hình triển khai, quán triệt về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của CCVC tại đơn vị, địa phương; kết quả xử lý các trường hợp vi phạm: Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về đạo đức nghề nghiệp, văn hóa giao tiếp trong thi hành công vụ của CCVC (đặc biệt là công chức làm tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả); những việc CCVC không được làm theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí. Chú trọng và nâng cao chế độ kỷ luật trong hoạt động công vụ để duy trì trật tự kỷ cương và phát huy tinh thần trách nhiệm trong hoạt

động công vụ của Sở; gắn với việc triển khai các văn bản mới hướng dẫn luật thi đua, khen thưởng gắn chế độ khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức trong hoạt động công vụ; Sở đã ban hành văn bản nhắc nhở CCVC trong cơ quan chấp hành tốt kỷ cương hành chính và các quy định của pháp luật. Trong kỳ báo cáo không có trường hợp vi phạm để xử lý kỷ luật.

c) Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng CCVC.

- Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: Ngày 07/9/2021, Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức tại Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2021-2025 (Kế hoạch số 1645/KH-SKHCN ngày 07/9/2021).

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: đạt theo Kế hoạch và đáp ứng yêu cầu công việc.

- Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao và hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, trong 6 tháng đầu năm 2022, Trung tâm Khoa học và Công nghệ đã cử viên chức tham gia rất nhiều lớp đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ: 02 viên chức tham gia đào tạo lớp Trung cấp chính trị; 01 viên chức tham gia bồi dưỡng ngạch chuyên viên; 22 viên chức tham gia lớp bồi dưỡng công nghệ ngạch kỹ sư hạng II; 02 viên chức tham gia đào tạo: Kinh doanh liên chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp; 02 viên chức tham gia đào tạo lớp Kiểm xạ thiết bị X – Quang thông thường; 01 viên chức tham dự Lớp Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động - nghiệp vụ kiểm định thang máy, thang cuốn, băng tải, máy vận nâng”; 01 viên chức tham dự tập huấn kiến thức hàng năm cho giám định viên tư pháp.

## 5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách, quản lý tài sản công tại đơn vị:

+ Thực hiện Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành xây dựng và ban hành Quy định quy chế chi tiêu nội bộ (Quyết định số 49/QĐ-SKHCN ngày 08/3/2022); Tiếp tục thực hiện quy chế quản lý tài sản công theo quy định (Quyết định số 353/QĐ-SKHCN ngày 15/11/2018).

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (*Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản có liên quan*).

+ Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 về việc giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2022-2025.

+ Tham mưu UBND tỉnh Đồng Nai gửi Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 30/5/2022 đề nghị xây dựng Nghị quyết HĐND về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá dịch vụ: Chưa thực hiện.

## 6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Khai thác các ứng dụng nội bộ phục vụ công tác quản lý điều hành, xử lý công việc

- Kết quả sử dụng phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc để xử lý, giải quyết công việc, tỷ lệ hồ sơ xử lý trên môi trường điện tử;

Số tt	Cơ quan	Số văn bản			Số văn bản điện tử			Tỷ lệ văn bản điện tử/tổng số văn bản %	CCVC sử dụng phần mềm quản lý IO văn bản để quản lý, điều hành, xử lý công việc			Ghi chú
		Tổng	Gửi	Nhận	Tổng	Gửi	Nhận		Tổng số CCVC	Số CCVC sử dụng	Tỷ lệ %	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12	13	14
1	Sở KHCN	4273	1165	3108	4175	1114	3061	97.7%	131	131	100	

+ 100% văn bản trao đổi trong nội bộ cơ quan và giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện hoàn toàn dưới dạng điện tử thông qua trực liên thông của tỉnh (Trừ các loại văn bản Mật, các hợp đồng, văn bản đối với các tổ chức khoa học công nghệ không thuộc cơ quan hành chính nhà nước không gửi trên môi trường mạng).

- Kết quả ứng dụng chữ ký số, chứng thư số để xác thực văn bản điện tử trên phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc và phần mềm một cửa điện tử để giải quyết hồ sơ hành chính cho người dân, doanh nghiệp: 100% cán bộ Lãnh đạo Sở, Trưởng/Phó các phòng, đơn vị ứng dụng chữ ký số, chứng thư số để xác thực văn bản điện tử trên phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc và phần mềm một cửa điện tử để giải quyết hồ sơ hành chính cho người dân, doanh nghiệp

- Tình hình thực hiện việc lưu trữ hồ sơ điện tử theo quy định hiện hành: đã thực hiện lập 36 hồ sơ lưu trữ theo quy định

- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm chuyên ngành:

+ Tiếp tục cập nhật cơ sở dữ liệu hồ sơ thanh tra được thực hiện trong nội bộ Sở.

+ Nâng cấp phần mềm cơ sở dữ liệu về đánh giá trình độ công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

- Kết quả triển khai Hệ thống quản lý chất lượng ISO, ISO điện tử:

+ Đối với áp dụng ISO tại Sở: áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 cho 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; tiến hành rà soát sửa đổi bổ sung 3 quy trình nội bộ của Thanh tra Sở; đồng thời xây dựng mới 5 quy trình nội bộ phục vụ quản lý công việc tại Sở (5 quy trình thuộc Văn phòng Sở; 1 quy trình thuộc phòng QCN);

+ Đối với triển khai ISO cho các Sở, ban, ngành: Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục theo dõi tình hình duy trì việc áp dụng HTQLCL tiên tiến theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 ứng dụng công nghệ thông tin (ISO điện tử) vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định 151/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc áp dụng ISO điện tử tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2022;

- Có văn bản số 336/SKH-CN-TĐC ngày 22/02/2022 v/v hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015;

- Xây dựng Kế hoạch tổ chức các khóa đào tạo về HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 cho CBCCVC của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2022.

b) Ứng dụng CNTT phục vụ người dân

- Đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu ứng dụng CNTT trong giải quyết TTHC;

+ Kết quả ứng dụng chữ ký số, chứng thư số để xác thực văn bản điện tử trên phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc và phần mềm một cửa điện tử để giải quyết hồ sơ hành chính cho người dân, doanh nghiệp

- Các giải pháp nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại đơn vị (nếu có): 100% hồ sơ nộp trực tuyến

- Kết quả triển khai các ứng dụng công nghệ riêng của đơn vị, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp

+ Nâng cấp phần mềm cơ sở dữ liệu về đánh giá trình độ công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

+ Hiện nay Sở đã trình UBND tỉnh và đã được UBND tỉnh cho phép thực hiện xây dựng phần mềm Quản lý nhiệm vụ KH&CN (công văn số 13421/UBND-KGVX ngày 01/11/2021)

- Chất lượng trang thông tin điện tử của đơn vị: Cổng thông tin điện tử đã được duy trì hoạt động với hình thức và nội dung ngày càng được cải tiến, đổi mới, cập nhật thường xuyên, cung cấp kịp thời những thông tin KT-XH của tỉnh, chính sách đầu tư, văn bản QPPL và văn bản quản lý hành chính của Sở và của UBND tỉnh, từng bước đáp ứng được yêu cầu truy cập của cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Triển khai mô hình đô thị thông minh (nếu có): không

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Mặt tích cực**

- Sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, sự tham gia tích cực các phòng ban chuyên môn và toàn thể công chức, viên chức là yếu tố quan trọng đưa công tác CCHC ngày càng phát triển mạnh theo hướng tinh giảm các TTHC qua đó đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ Chính trị của đơn vị. Bám sát nhiệm vụ chính trị, xác định nhiệm vụ trọng tâm, có phương pháp thực hiện trong từng công việc cụ thể, tham gia giải quyết dứt điểm những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích của người dân và doanh nghiệp.

- Công tác cải cách thể chế thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Các VBQPPL được xây dựng và ban hành đúng thẩm quyền, đúng thể thức; nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của tỉnh Đồng Nai, cụ thể hoá kịp thời các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh.

- Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành; tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân được Lãnh đạo Sở quan tâm thực hiện và có chuyển biến tích cực tiếp tục thực hiện trao đổi văn bản điện tử, giảm các văn bản, giấy tờ hành chính không cần thiết.

- Công tác xây dựng, tuyển dụng, đào tạo CCVC tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm để xây dựng đội ngũ CCVC đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của công tác chuyên môn, góp phần vào sự nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh nhà.

- Việc ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo điều hành, tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp được quan tâm thực hiện và đạt kết quả cao, tiếp tục đẩy mạnh việc trao đổi văn bản điện tử đạt 100%.

- Công tác thanh tra kiểm tra công vụ được duy trì và thực hiện thường xuyên, trong đó chú trọng thực hiện công tác tuyên truyền CCHC bằng nhiều hình thức phong phú.

#### **2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:**

Không.

### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM**

- Tăng cường công tác kiểm tra các phòng ban đơn vị thực hiện công tác CCHC, kiểm soát TTHC chú trọng công tác giải quyết TTHC thuộc trách nhiệm Sở Khoa học và Công nghệ đảm bảo đúng thời gian quy định.

- Tuyên truyền đến toàn thể cán bộ CCVC biết kế hoạch CCHC của tỉnh, đơn vị, các chính sách pháp luật, các văn bản ban hành mới liên quan.

- Xây dựng và thực hiện công tác tham mưu và ban hành VBQPPL kịp thời, đúng tiến độ.

- Tiếp tục rà soát, duy trì đầy mạnh dịch vụ công trực tuyến của cơ quan đảm bảo 100 % các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của Sở.

- Tiếp tục nghiên cứu tham mưu thực hiện Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định về tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

- Thực hiện chế độ tài chính công, quản lý tài sản Nhà nước, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định pháp luật.

- Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học công nghệ

## **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Không

Trên đây là báo cáo công tác CCHC, kiểm soát TTHC 6 tháng đầu năm 2022 tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai./.

### ***Nơi nhận:***

- Sở Nội vụ;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng/đơn vị;
- Lưu: VT, TTr.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đoàn Tấn Đạt**

**PHẦN 2 - HỆ THỐNG BIỂU MẪU SỐ LIỆU****Biểu mẫu 1****Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b> <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	<b>9</b>	
<b>2.</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm</b> <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	<b>71</b>	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	7	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	5	
<b>3.</b>	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
3.1	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	3	
3.2	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
<b>4.</b>	<b>Truyền thông về CCHC</b>			
4.1	Tin bài viết về CCHC, KSTTHC	Tin bài	6	
4.2	Chương trình truyền hình, phát thanh	Chương trình	0	
4.3	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

**Biểu mẫu 2**  
**Cải cách thể chế**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tổng số VBQPPL<sup>1</sup> do đơn vị tham mưu ban hành/ UBND cấp huyện ban hành</b>	Văn bản	<b>0</b>	
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	49	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	49	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

<sup>1</sup> Văn bản quy phạm pháp luật.



**Biểu mẫu 3**  
**Cải cách TTHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Thống kê TTHC (Các sở, ban ngành)</b>			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	9	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	7	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	43	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,6	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>149</i>	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>147</i>	
3.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.2.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	<i>0</i>	
3.2.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	<i>0</i>	

**Biểu mẫu 4**  
**Cải cách tổ chức bộ máy**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.1.	Đã ban hành quy định về tổ chức bộ máy sau sắp xếp, kiện toàn	Đã ban hành = 1 Chưa ban hành = 0	0	
1.2.	Đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	Đã hoàn thành = 1 Chưa hoàn thành = 0	0	
1.3.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) thuộc đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị	2	
1.3.1.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	2	1 đơn vị đang làm thủ tục giải thể
1.3.2.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
1.3.3.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	50	
<b>2.</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	47	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	47	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	4	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	100	
<b>3.</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	0	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	0	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	100	

**Biểu mẫu 5**  
**Cải cách chế độ công vụ**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1.	Đơn vị, địa phương đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Đã phê duyệt = 1 Chưa phê duyệt = 0	1	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	1	Xét tuyển
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
<b>3.</b>	<b>Số lượng CCVC bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).</b>			
3.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
3.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
3.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
<b>4.</b>	<b>Thực hiện Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng</b>			
4.1.	Số công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng các lớp cao cấp, trung cấp chính trị	Người	2	Trung cấp
4.2.	Số công chức, viên chức được đào tạo bồi dưỡng các lớp nghiệp vụ, tập huấn từ 05 ngày trở lên	Người	23	22 viên chức đào tạo ngạch kỹ sư hạng II; 01 viên chức ngạch chuyên viên

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>5.</b>	<b>Số liệu về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức, viên chức lãnh đạo quản lý</b>			
5.1.	Số lượng lãnh đạo quản lý cấp phòng được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.2.	Số lượng lãnh đạo quản lý cấp phòng được bổ nhiệm lại	Người	0	
5.3.	Số lượng bổ nhiệm thông qua thi tuyển	Người	0	

**Biểu mẫu 6**  
**Cải cách tài chính công**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công (đối với UBND cấp huyện)</b>	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng		
<b>2.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập thuộc đơn vị, địa phương	Đơn vị	2	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	2	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>0</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>0</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>0</i>	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

**Biểu mẫu 7**  
**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	<b>Kết nối vận hành Hệ thống hợp trực tuyến với cấp tỉnh</b>	Chưa có = 0 Đã kết nối = 1	1	
2.	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia (nếu có)</b>	%	<b>100</b>	
3.	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của đơn vị, địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	97,4	
4.	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>11</i>	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>11</i>	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>02</i>	
4.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	32	
	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>32</i>	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>32</i>	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>10</i>	
4.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>43</i>	
	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>43</i>	
4.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 <i>(Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)</i>	%	28	12/43
	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>149</i>	
	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>149</i>	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>0</i>	
	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>0</i>	